

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TU  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HS-ST

Ngày: 11-7-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải

2. Bà Huỳnh Thị Lượng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo: A, sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số 09/17A, khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Cư xá S Lợi 2, Khu phố 7, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông B (đã chết) và bà C, sinh năm 1958; bị cáo có vợ tên K, sinh năm 1976; có một con tên Võ Thị Thuý Linh, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số 96/HS-ST ngày 29/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) D, tỉnh Bình Dương xử phạt A 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 25/12/2014, chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 22/11/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Người làm chứng:

2.1 Ông S, sinh năm: 1978; vắng mặt.

2.2 Cháu V, sinh năm: 2003; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của V: Bà P– Đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

A là đối tượng nghiện ma túy, loại ma túy A thường sử dụng là ma túy đá (Methamphetamine).

Khoảng 17 giờ ngày 27/02/2019, do cần ma túy để sử dụng nên A hỏi mượn xe mô tô của một người bạn (không rõ tên) ở gần khu nhà trọ của A. Khi mượn xe A nói dối là đi công việc khoảng 02 tiếng sau sẽ trả. Khi đến khu vực đường Hà Huy Giáp thuộc Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, A gặp người đàn ông tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) và một người phụ nữ tên Thoa (không rõ nhân thân, lai lịch trước đây đã bán ma túy nhiều lần cho A) đang chạy xe trên đường nên A gọi hai người dừng xe lại và hỏi mua ma túy với giá 600.000 đồng thì N đồng ý và nói A đứng chờ. Khoảng 10 phút sau thì N chạy xe đến đưa cho A 01 vỏ thuốc lá hiệu con mèo bên trong có chứa ma túy đá, còn A đưa 600.000 đồng cho người phụ nữ tên Thoa ngồi phía sau xe mô tô do N điều khiển. Sau đó, A cất vỏ thuốc lá hiệu con mèo có chứa ma túy vào túi quần rồi điều khiển xe chạy về Cư xá S Lợi 2 thuộc Khu phố 7, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương rồi đem xe trả lại cho bạn. Khi về đến phòng trọ, A nhìn thấy V là người quen của A đang đứng trước cửa phòng, A đưa V vào phòng ngồi nói chuyện. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, A mở vỏ thuốc lá hiệu con mèo ra, thấy bên trong có 6 bịch nylon chứa ma túy đá. Sau đó, A rủ V cùng sử dụng ma túy đá nhiều lần hết 03 bịch ma túy đá, còn lại 03 bịch ma túy đá A cất giấu trong túi N phía trước bên phải của chiếc quần Jean màu xanh-trắng của A rồi treo lên móc treo đồ cạnh cầu thang của phòng trọ.

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 28/02/2019, Công an phường U tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của A, quá trình kiểm tra, tổ kiểm tra phát hiện trong phòng có bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá, đồng thời A khai nhận vừa sử dụng ma túy đá và lấy 03 bịch ma túy đá cất giấu trong túi N phía trước bên phải của chiếc quần Jean màu xanh-trắng của A được treo gần cầu thang của phòng trọ giao nộp cho Tổ kiểm tra. Tổ kiểm tra tiến hành niêm phong 03 bịch ma túy này có sự chứng kiến, ký tên của A và V rồi đưa A cùng V về trụ sở Công an phường U để làm việc. Qua làm việc A khai nhận toàn bộ số ma túy mà Công an thu giữ là của A mua về cất giấu, nhằm mục đích sử dụng.

Công an phường U còn tạm giữ 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá; 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên A, số 281221312 và 01 (Một) quần Jean ống dài màu xanh-trắng.

Tại Kết luận giám định số 637/MT-PC09 ngày 07/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,4717 gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 94/CT-VKS.TU ngày 13/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, xử phạt: A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

+ Tịch thu tiêu hủy 0,4717 gam chất Methamphetamine; 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá và 01 (Một) quần Jean ống dài màu xanh-trắng;

+ Trả lại cho bị cáo 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên A, số 281221312.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu trên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo A trình bày: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với A là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang đề ngày 28/02/2019 do Công an phường U, thị xã TU lập; Kết luận giám định số 637/MT-PC09 ngày 07/3/2009 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Dương và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/02/2019, tại phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị cáo A đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,4717 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nS vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo A thực hiện đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 94/CT-VKS.TU ngày 13/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo A được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về nhân thân: Bản án số 96/HS-ST ngày 29/4/2010 của Toà án nhân dân huyện (nay là thị xã) D, tỉnh Bình Dương xử phạt A 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong bản án nêu trên từ ngày 25/12/2014. Theo quy định của pháp luật, bị cáo đã được đương nhiên xoá án tích. Tuy nhiên, cũng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các vật chứng gồm: 01 (Một) bì thư đã được niêm phong bên trong bì thư có chứa 0,4717g chất Methamphetamine, bên ngoài có ký hiệu 206/PC09, có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo A, chữ ký người chứng kiến V; chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Thanh Giàu, chữ ký ông Ngô Hồng Phong – Phó Trưởng Công an phường U, thị xã TU và hình dấu mộc đỏ Công an phường U và hình mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ; 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá và 01 (Một) quần Jean ống dài màu xanh – trắng có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 chứng minh nhân dân tên A, số CMND: 281221312 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo cho việc thi hành án cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo A cho đến khi có quyết định thi hành án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo A 02 (Hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 28/02/2019.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo A để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 01 (Một) bì thư đã được niêm phong bên trong bì thư có chứa 0,4717g chất Methamphetamine, bên ngoài có ký hiệu 206/PC09, có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo A, chữ ký người chứng kiến V; chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Thanh Giàu, chữ ký ông Ngô Hồng Phong – Phó Trưởng Công an phường U, thị xã TU và hình dấu mộc đỏ Công an phường U và hình mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương.

+ 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.

+ 01 (Một) quần Jean ống dài màu xanh – trắng.

- Trả lại cho bị cáo 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân tên A, số CMND: 281221312.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đào Văn Hưng**

